

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG

Bản án số: 90/2025/DS-ST

Ngày 23-6-2025

V/v tranh chấp hợp đồng dân sự
vay tài sản

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Kim Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Bền

Bà Châu Bích Phượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thuý Quỳnh là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 23 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 113/2025/TLST-DS ngày 25 tháng 3 năm 2025 về tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 113/2025/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đinh Thị Ngọc N, sinh năm 1992 (Có mặt).

Trú tại: Số C, Khu phố E, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Chị Dương Thị C, sinh năm 1985, trú tại số G, Tổ H, Ấp B, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn (Văn bản uỷ quyền ngày 07 tháng 3 năm 2025) (Có mặt).

- Bị đơn: Chị Lê Thị Tuyết N1, sinh năm 1981 (Có mặt).

Trú tại: Số E, Tổ A, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Đinh Văn T, sinh năm 1976 (Có mặt).

2. Bà Lê Thị Á, sinh năm 1970 (Có mặt).

Cùng trú tại: Số A, Tổ F, Ấp D, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

- Người làm chứng: Anh Nguyễn Phước A, sinh năm 1996 (Có mặt).

Trú tại: Số A, ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 06/3/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đinh Thị Ngọc N trình bày: Ngày 16/01/2024, chị N có cho chị N1 vay số tiền 189.500.000 đồng, thời hạn vay 03 tháng, lãi suất 2%/tháng, có ký hợp đồng vay tiền. Hết thời hạn vay, chị N đã nhiều lần yêu cầu chị N1 trả số tiền 189.500.000 đồng nhưng chị N1 không trả. Chị Đinh Thị Ngọc N khởi kiện yêu cầu chị Lê Thị Tuyết N1 trả số tiền gốc là 189.500.000 đồng, yêu cầu tính lãi, mức lãi là 1,66%/tháng, tính từ ngày 06/3/2025 đến ngày xét xử, tạm tính là 15.791.000 đồng. Yêu cầu trả làm một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Theo bản tự khai ngày 09/5/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Lê Thị Tuyết N1 trình bày: Chị N1 không thừa nhận có mượn của chị N số tiền 189.500.000 đồng. Số tiền này có nguồn gốc là do chị N1 chơi hụi của ông Đinh Văn T (Là cha của chị N làm chủ hụi), cụ thể như sau: Dây thứ 1, khởi khai khoảng tháng 5/2017, hụi 3.000.000 đồng, có 14 hụi viên, gồm 14 phần, chị N1 hốt ở kỳ thứ 3 được số tiền 27.270.000 đồng, chị N1 đóng đến khoảng tháng 8 năm 2019 thì ngưng, chị N1 không nhớ còn nợ lại số tiền nợ hụi là bao nhiêu. Dây thứ 2, khởi khai khoảng tháng 6/2017, hụi 3.000.000 đồng, có 16 hụi viên, gồm 16 phần, chị N1 hốt ở kỳ thứ 4 được số tiền 27.500.000 đồng, chị N1 đóng đến khoảng tháng 8 năm 2019 thì ngưng, chị N1 không nhớ còn nợ lại số tiền nợ hụi là bao nhiêu. Dây thứ 3, khởi khai khoảng tháng 6/2017, hụi 2.000.000 đồng, có 22 hụi viên, gồm 22 phần, chị N1 hốt ở kỳ thứ 3 được số tiền 23.000.000 đồng, chị N1 đóng đến khoảng tháng 8 năm 2019 thì ngưng, chị N1 không nhớ còn nợ lại số tiền nợ hụi là bao nhiêu. Dây thứ 4, khởi khai khoảng tháng 5/2017, hụi 2.000.000 đồng, có 14 hụi viên, gồm 14 phần, chị N1 hốt ở kỳ thứ 1 được số tiền 17.560.000 đồng, chị N1 đóng đến khoảng tháng 8 năm 2019 thì ngưng, chị N1 không nhớ còn nợ lại số tiền nợ hụi là bao nhiêu. Dây thứ 5, khởi khai khoảng tháng 6/2017, hụi 2.000.000 đồng, có 18 hụi viên, gồm 18 phần, chị N1 hốt ở kỳ thứ 1 được số tiền 16.850.000 đồng, chị N1 đóng đến khoảng tháng 8 năm 2019 thì ngưng, chị N1 không nhớ còn nợ lại số tiền nợ hụi là bao nhiêu. Dây thứ 6, khởi khai khoảng tháng 5/2017, hụi 2.000.000 đồng, có 20 hụi viên, gồm 20 phần, chị N1 hốt ở kỳ thứ 1 được số tiền 19.400.000 đồng, chị N1 đóng đến khoảng tháng 8 năm 2019 thì ngưng, chị N1 không nhớ còn nợ lại số tiền nợ hụi là bao nhiêu. Dây thứ 7, khởi khai khoảng tháng 7/2017, hụi 3.000.000 đồng, có 14 hụi viên, gồm 14 phần, chị N1 hốt ở kỳ thứ 2 được số tiền 29.300.000 đồng, chị N1 đóng đến khoảng tháng 8 năm 2019 thì ngưng, chị N1 không nhớ còn nợ lại số tiền nợ hụi là bao nhiêu. Các dây hụi đã mãn. Khoảng tháng 8/2019, ông T và chị N1 có tổng kết lại số tiền nợ hụi, chị N1 còn nợ lại ông T số tiền 205.000.000 đồng, chị N1 có viết giấy nợ hụi đối với ông T. Sau đó, chị N1 có trả dần hàng tháng số tiền 1.000.000 đồng, bắt đầu trả vào đầu năm 2020 đến cuối năm 2023 thì ngưng, trả được 48.000.000 đồng, mỗi lần trả không có lấy biên nhận. Ngày 16/10/2024, ông T và bà Lê Thị Á đem xuống cho chị N1 ký xác nhận số tiền nợ hụi là 189.500.000 đồng. Chị N1 xác nhận có ký

tên vào Hợp đồng cho vay tiền đề ngày 16/10/2024, nhưng khi ký tên chị không có đọc lại toàn bộ nội dung, chỉ thấy đúng số tiền còn nợ thì ký tên. Đến ngày 17/10/2024, ông T dẫn chị N tới nói sẽ để cho chị N nhận tiền thay ông T.

Chị N1 thừa nhận chỉ có nợ hụi đối với ông Đinh Văn T số tiền 189.500.000 đồng, không có nợ chị N. Chị N1 đồng ý trả cho ông T số nợ hụi là 189.500.000 đồng, xin trả dần hàng tháng, mỗi tháng 500.000 đồng.

Theo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đinh Văn T trình bày: Ông T có làm chủ hụi, chị N1 có chơi hụi do ông T làm chủ. Các dây hụi do chị N1 tham gia đã mãn hụi, chị N1 không còn nợ hụi đối với ông T. Ông T không thừa nhận có giấy nợ hụi 205.000.000 đồng như chị N1 trình bày. Các giấy tính tiền hụi chị N1 nộp cho Tòa án là do ông T viết và giao cho chị N1 khi chị N1 hốt hụi. Việc chị N1 trình bày ông T là người đưa hợp đồng vay tiền đề ngày 16/10/2024 cho chị N1 ký tên là không có. Ông T không tham gia vào việc vay mượn tiền của chị N và chị N1.

Theo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Á trình bày: Bà Á không có tham gia vào việc góp hụi giữa ông T và chị N1. Việc chị N1 trình bày ông T và bà Á là người đưa hợp đồng cho vay tiền đề ngày 16/10/2024 cho chị N1 ký tên là không có. Bà Á không tham gia vào việc vay mượn tiền của chị N và chị N1.

Theo người làm chứng anh Nguyễn Phước A trình bày: Ngày 16/10/2024, anh có chứng kiến việc chị N cho chị N1 vay tiền, anh có ký tên vào hợp đồng vay tiền giữa chị N và chị N1 ở phần người làm chứng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa chị Đinh Thị Ngọc N và chị Lê Thị Tuyết N1 là quan hệ tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị Ngọc N: Tại phiên tòa, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn yêu cầu bị đơn chị Lê Thị Tuyết N1 trả số nợ gốc là 189.500.000 đồng và yêu cầu tính lãi, mức lãi suất là 1,66%/tháng, tính từ ngày 06/3/2025 đến ngày xét xử là ngày 23/6/2025, tiền lãi là 11.219.663 đồng, yêu cầu trả làm 01 lần, ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Chị Lê Thị Tuyết N1 không thừa nhận có nợ chị N số tiền 189.500.000 đồng, tuy nhiên chị N1 vẫn đồng ý trả số tiền 189.500.000 đồng cho chị N, xin không trả tiền lãi, yêu cầu trả dần hàng tháng 500.000 đồng. Tại phiên tòa, anh T không thừa nhận việc chị N1 trình bày còn nợ hụi lại anh T vì các dây hụi đã mãn từ năm 2019, hai bên đã thanh toán xong việc nợ hụi. Tại phiên tòa, chị N không thừa nhận việc chuyển nợ hụi của anh T và chị N1 sang thành nợ vay của chị N với chị N1. Xét thấy, theo hợp đồng cho vay tiền đề ngày 16/10/2024, thể hiện chị Lê Thị

Tuyết N1 có vay của chị Đinh Thị Ngọc N số tiền là 189.500.000 đồng, thời hạn vay từ ngày 16/10/2024 đến ngày 16/01/2025, lãi suất theo thoả thuận của các bên, mục đích vay tiêu dùng cá nhân. Đến hạn trả nợ là ngày 16/01/2025, chị N1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là vi phạm nghĩa vụ của bên vay. Do đó, việc chị N khởi kiện yêu cầu chị N1 trả lại số tiền vốn là 189.500.000 đồng theo biên nhận là có căn cứ phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét lời trình bày của chị N1, chị N1 cho rằng số tiền 189.500.000 đồng là tiền nợ hui của anh T (là cha của chị N) và chị N1 cung cấp các giấy tính tiền hui do anh T tính tiền và giao khi chị N1 hốt hui. Chị N1 trình bày không nhớ số tiền nợ hui của anh T là bao nhiêu, chị N1 thừa nhận có ký xác nhận tiền hui cho anh T vào hợp đồng cho vay tiền đề ngày 16/10/2024 với số tiền 189.500.000 đồng nhưng không có đọc lại toàn bộ nội dung. Lời trình bày này của chị N1 là không có cơ sở vì chị N1 không chứng minh được số tiền 189.500.000 đồng là tổng kết từ việc nợ hui của chị đối với anh T. Hợp đồng vay tiền được ký vào năm 2024, Chị N1 thừa nhận việc chị ký tên vào hợp đồng cho vay tiền là hoàn toàn tự nguyện, không có ai ép buộc. Hợp đồng cho vay tiền thể hiện số tiền vay cụ thể và thời hạn trả, lãi suất thoả thuận. Các giấy tính tiền hui do phía chị N1 cung cấp không thể hiện hợp đồng cho vay có liên quan đến tiền hui. Tại phiên toà, chị N1 không xác định được chính xác số tiền nợ hui còn lại và không cung cấp được chứng cứ chứng minh số tiền trong hợp đồng cho vay tiền đề ngày 16/10/2024 là tiền nợ hui nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét.

[4] Xét yêu cầu tính lãi: Tại phiên toà, chị Dương Thị C là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu tính lãi, mức lãi suất là 1,66%/tháng, tính từ ngày khởi kiện là ngày 06/3/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm, số tiền lãi yêu cầu là 11.219.663 đồng. Xét thấy, tại mục 6 của hợp đồng cho vay tiền thể hiện: Mức lãi suất theo thoả thuận của các bên dựa trên quy định của hệ thống pháp luật Việt Nam tại thời điểm cho vay. Việc chị N yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 1,66%/tháng, tính từ ngày 06/3/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm với số tiền lãi yêu cầu là 11.219.663 đồng của chị N phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị Ngọc N, buộc chị Lê Thị Tuyết N1 trả cho chị N số tiền nợ gốc là 189.500.000 đồng, số tiền nợ lãi là 11.219.663 đồng. Tổng cộng là 200.719.663 đồng.

[6] Về án phí: Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, 39, 147, 92, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đinh Thị Ngọc N.

1. Buộc bị đơn chị Lê Thị Tuyết N1 trả cho chị Đinh Thị Ngọc N số tiền vốn vay là 189.500.000 đồng, số tiền lãi là 1 1.219.600 đồng. Tổng cộng là 200.719.600 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị Tuyết N1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 10.035.980 đồng.

Hoàn lại chị Đinh Thị Ngọc N số tiền tạm ứng án phí là 5.133.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012597 ngày 19/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND H. Châu Thành, tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Kim Hằng